

Số: **009218** /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 07999.21



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM.
Tên mẫu : SỮA UỐNG DINH DƯỠNG - VINAMILK COLOGOLD
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-SUDD-11
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 hộp x 110 mL
Ngày nhận mẫu : 23/04/2021
Người gửi mẫu : Trần Trọng Nghĩa
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Enterobacteriaceae	HD.PP.18.01/TT.VS (TCVN 5518-2:2007) (b) (d)	< 1 CFU /mL	23/04/2021
2	Listeria monocytogenes	HD.PP.09.03/TT.VS (TCVN 7700-2:2007) (d)	< 10 CFU /mL	23/04/2021

Ghi chú:

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

- < 1 CFU /mL; < 10 CFU /mL : được xem như không phát hiện.

05-05-2021

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày

TU. VIỆN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



Ts. Nguyễn Đức Thịnh

Số: **009219** /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 08000.21



VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM.
Tên mẫu : SỮA UỐNG DINH DƯỠNG - VINAMILK COLOGOLD
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-SUDD-11
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 hộp x 110 mL
Ngày nhận mẫu : 23/04/2021
Người gửi mẫu : Trần Trọng Nghĩa
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Arsen (As) tổng	HD.PP.16/TT.AAS:2019 (b) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	28/04/2021
2	Cadimi (Cd)	HD.PP.16/TT.AAS:2019 (b) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	27/04/2021
3	Thủy ngân (Hg)	HD.PP.16/TT.AAS:2019 (b) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	28/04/2021
4	Chì (Pb)	HD.PP.16/TT.AAS:2019 (b) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	28/04/2021

Ghi chú:

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày05-05-2021..

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



★ Ts. Nguyễn Đức Thịnh



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 08001.21



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM.
Tên mẫu : SỮA UỐNG DINH DƯỠNG - VINAMILK COLOSGOLD
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-SUDD-11
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 hộp x 110 mL
Ngày nhận mẫu : 23/04/2021
Người gửi mẫu : Trần Trọng Nghĩa
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Aflatoxin M1	HD.PP.03-2/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,02 µg/kg	29/04/2021
2	Melamine	TCVN 9048:2012 (ISO/TS 15495:2010) (b) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	24/04/2021

Ghi chú:

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày05-05-2021.

TUQ. VIỆN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



Ts. Nguyễn Đức Thịnh



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 08002.21



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM.
Tên mẫu : SỮA UỐNG DINH DƯỠNG - VINAMILK COLOGOLD
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-SUDD-11
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 hộp x 110 mL
Ngày nhận mẫu : 23/04/2021
Người gửi mẫu : Trần Trọng Nghĩa
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Albendazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	24/04/2021
2	Amoxicillin	HD.PP.46/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 1 µg/kg	25/04/2021
3	Clenbuterol	HD.PP.43-1/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,014 µg/kg	24/04/2021
4	Colistin	HD.PP.30/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 15 µg/kg	25/04/2021
5	Cypermethrin và alpha-Cypermethrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 40 µg/kg	24/04/2021
6	Monensin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,5 µg/kg	24/04/2021
7	Dexamethasone	HD.PP.08/TT.SK:2019 (Ref.Application Note 720004511EN Waters & Ref.Journal of Chromatography B, 826 (2005), 214-219 & Ref.Journal of Pharmaceutical and Biomedical Analysis 41 (2006), 554-564) (b)	Không phát hiện MLOD = 0,1 µg/kg	24/04/2021
8	Benzylpenicillin	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 1 µg/kg	25/04/2021
9	Lincomycin	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	25/04/2021

Mã số mẫu: 08002.21

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
10	Diminazen	Ref. J.AOAC, Vol 86, (2003)	Không phát hiện MLOD = 50 µg/kg	25/04/2021
11	Doramectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	24/04/2021
12	Eprinomectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	24/04/2021
13	Febantel	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	24/04/2021
14	Fenbendazole	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	24/04/2021
15	Oxfendazole	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	24/04/2021
16	Imidocarb	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	24/04/2021
17	Isometamidium	Ref. J.Chroma.B, 879 (2011)	Không phát hiện MLOD = 10 µg/kg	25/04/2021
18	Ivermectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	24/04/2021
19	Thiabendazole	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	24/04/2021
20	Trichlorfon (Metrifonat)	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	24/04/2021
21	Ceftiofur	HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref. J.Agric.Food Chem, 2015, 5133 - 5140) (b)	Không phát hiện MLOD = 7 µg/kg	25/04/2021
22	Chlortetracycline	HD.PP.21/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 995.09 & Ref. Application Note, 2009, 5990-3816 EN, Agilent) (b)	Không phát hiện MLOD = 15 µg/kg	25/04/2021
23	Oxytetracycline	HD.PP.21/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 995.09 & Ref. Application Note, 2009, 5990-3816 EN, Agilent) (b)	Không phát hiện MLOD = 15 µg/kg	25/04/2021
24	Tetracycline	HD.PP.21/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 995.09 & Ref. Application Note, 2009, 5990-3816 EN, Agilent) (b)	Không phát hiện MLOD = 15 µg/kg	25/04/2021
25	Dihydrostreptomycin	HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (b)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	25/04/2021
26	Streptomycin	HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (b)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	25/04/2021
27	Gentamicin	HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (b)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	25/04/2021
28	Procain benzylpenicilin	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 1 µg/kg	25/04/2021
29	Neomycin	HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (b)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	25/04/2021
30	Pirlimycin	HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref. J.Agric.Food Chem, 2015, 5133-5140) (b)	Không phát hiện MLOD = 7 µg/kg	25/04/2021
31	Spectinomycin	HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (b)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	25/04/2021

Đ/C: 159 Hưng phú, Phường 8, Quận 8, TP.Hồ Chí Minh

Mã số mẫu: 08002.21

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
32	Spiramycin	HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref. J.Agric.Food Chem, 2015, 5133-5140) (b)	Không phát hiện MLOD = 7 µg/kg	25/04/2021
33	Sulfadimidine	HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref. J.Agric.Food Chem, 2015, 5133-5140) (b)	Không phát hiện MLOD = 7 µg/kg	25/04/2021
34	Tylosin	HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref. J.Agric.Food Chem, 2015, 5133-5140) (b)	Không phát hiện MLOD = 7 µg/kg	25/04/2021
35	Cyfluthrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (b)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	24/04/2021
36	L-Cyhalothrin (Cyhalothrin)	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (b)	Không phát hiện MLOD = 10 µg/kg	24/04/2021
37	Deltamethrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (b)	Không phát hiện MLOD = 20 µg/kg	24/04/2021

Ghi chú:

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **05-05-2021**

TUQ. VIỆN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



Ts. Nguyễn Đức Thịnh

Số: **009222** /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 08003.21



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM.
Tên mẫu : SỮA UỐNG DINH DƯỠNG - VINAMILK COLOGOLD
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-SUDD-11
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 hộp x 110 mL
Ngày nhận mẫu : 23/04/2021
Người gửi mẫu : Trần Trọng Nghĩa
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Dimethoate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	24/04/2021
2	Ethephon	Ref. EURL-SRM, Version 8.1 (2015)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	25/04/2021
3	Chlordane	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,001 mg/kg	24/04/2021
4	DDT	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	24/04/2021
5	Piperonyl butoxide	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	24/04/2021
6	Disulfoton	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	24/04/2021
7	Fipronil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,002 mg/kg	24/04/2021
8	Aldrin và Dieldrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	24/04/2021
9	Thiabendazole	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 0,003 mg/kg	24/04/2021
10	Abamectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 0,004 mg/kg	24/04/2021
11	Chlormequat	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	28/04/2021
12	Methamidophos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	24/04/2021

Mã số mẫu: 08003.21

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
13	Penconazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	24/04/2021
14	Spinosad	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	24/04/2021
15	Tebufozide	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	24/04/2021
16	Flumethrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	24/04/2021
17	Chlorpyrifos	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (b)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	24/04/2021
18	Endosulfan	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (b)	Không phát hiện MLOD = 0,003 mg/kg	24/04/2021
19	Heptachlor	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (b)	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	24/04/2021
20	Lindan	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (b)	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	24/04/2021

Ghi chú:

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

05-05-2021

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày

TUQ. VIỆN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



Ts. Nguyễn Đức Thịnh